

Bản án số: **215/2019/DS-PT**
Ngày: **22/3/2019**
V/v Tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Sang;
Bà Phan Thị U.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/3/2019 và ngày 22/3/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 05/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 335/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 717/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thanh D** – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn U** – sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Đ – sinh năm 1980.

Theo Giấy ủy quyền số 009676 ngày 03/10/2018 tại Văn phòng Công chứng M.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong Đơn khởi kiện ngày 04/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh D trình bày:***

Năm 2013, bà D và ông Lê Văn U tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, ngày 26/6/2014 ông U có lập giấy tay tặng cho bà D căn nhà tại số Số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, diện tích 80 m². Sau khi tặng cho bà D căn nhà trên, ông U cùng bà D chung sống trong căn nhà này. Quá trình chung sống, bà D có đóng góp cùng ông U sửa chữa nhà. Đến tháng 7/2016, bà D và U chia tay, ông U khởi kiện yêu cầu hủy giấy tặng cho ngày 26/6/2014. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã xét xử bằng bản án số 111/2018/DSST ngày 11/7/2018, tuy nhiên đối với phần giá trị căn nhà theo định giá của Hội đồng định giá ngày 27/4/2018, giá trị xây dựng căn nhà là 264.810.000 đồng, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì bà D không muốn tranh chấp với ông U mà chỉ muốn đập bỏ căn nhà trên để trả lại đất cho ông U và yêu cầu ông U phải hỗ trợ cho bà D một khoản tiền để bà D dời đi nhưng phía ông U không đồng ý mà chỉ hỗ trợ cho bà D số tiền 20.000.000 đồng (theo giấy nhận tiền ngày 12/7/2018).

Bà D khởi kiện yêu cầu ông U phải chia cho bà ½ giá trị xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B theo giá trị đã được định giá ngày 27/4/2018 là 132.400.000 đồng.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn là ông Lê Thanh Đ trình bày:***

Ông Lê Văn U có quan hệ tình cảm với bà Trần Thị Thanh D, ngày 26/6/2014, ông U lập giấy tay cho bà D căn nhà số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích 80 m². Đến năm 2016, ông U và bà D chia tay không còn tình cảm với nhau nhưng bà D dùng giấy cho tặng nhà để làm áp lực nên ông U khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy tặng cho nhà ngày 26/6/2014. Vụ kiện đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, nội D bản án tuyên: Hủy giấy cho tặng nhà lập ngày 26/6/2014 giữa ông Lê Văn U và bà Trần Thị Thanh D do vô hiệu; bà D giao trả căn nhà số 56, tổ 10, ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè cho ông Lê Văn U ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau đó, bà D có yêu cầu ông U đưa số tiền 20.000.000 đồng để bà D dọn đi trả lại nhà cho ông U. Ông U đã đưa cho bà D 20.000.000 đồng và bà D đã dọn đi theo giấy nhận tiền ngày 12/7/2018.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu chia số tiền xây nhà là 132.400.000 đồng, ông U không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D vì bà D đã nhận 20.000.000 đồng và đã giao trả nhà cho ông U.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Quốc H trình bày:***

Bà D khởi kiện nhưng không có chứng cứ chứng minh việc bà D có đóng góp tiền xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây, bà D yêu cầu ông U trả số tiền 50.000.000 đồng mới đồng ý

trả nhà, tuy nhiên sau đó các bên thỏa thuận thống nhất ông U trả cho bà D 20.000.000 đồng, bà D đồng ý nhận tiền và bà D đã dọn ra khỏi căn nhà trên, thể hiện yêu cầu của bà D đã được xem xét giải quyết tại bản án số 111/2018/DSST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh D về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn U phải chia $\frac{1}{2}$ số tiền xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là 132.400.000 đồng.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 335/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:**

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 208, Điều 210, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh D.

Buộc bị đơn ông Lê Văn U có trách nhiệm trả lại cho bà D số tiền 132.400.000 đồng (số tiền này là $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà D và ông U cùng đóng góp xây dựng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 6.620.000 đồng do ông Lê Văn U phải chịu. Hoàn tiền tạm ứng án phí 3.310.000 đồng cho bà Trần Thị Thanh D theo biên lai thu số 0033369 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 03/12/2018, bị đơn ông Lê Văn U có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn ông Lê Văn U do người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh Đ trình bày: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có chứng cứ chứng minh việc bà D có đóng góp tiền xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để hòa giải ông Đ đồng ý đưa cho bà D số tiền 40.000.000 đồng để chấm dứt việc tranh chấp.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh D trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông U, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông U, y án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D tự nguyện yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức: đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 335/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí, do ông U (sinh năm 1943) là người cao tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn U trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1.1] Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do nguyên đơn bà D khởi kiện nhưng không có chứng cứ chứng minh việc bà D có đóng góp tiền xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa bị đơn cung cấp Đơn tường trình đề ngày 18/3/2019 của ông Đoàn Văn A – là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng I, số tiền mua vật tư là do ông U trả, tuy nhiên phía ông A không xác định được vật liệu là dùng để xây dựng sửa chữa căn nhà nào vì ngoài căn nhà trên, ông U còn có 07 phòng trọ liền kề phía sau.

[2.1.2] Xét biên bản hòa giải ngày 23/3/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 31), bà Lê Thị Kim L – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn U có trình bày nội dung: “Căn nhà này do cả ông U và bà D cùng xây dựng, không có xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông U đề nghị giữ nguyên hiện trạng căn nhà này. Ông U đồng ý trả lại giá trị xây dựng mà bà D đã đóng góp”, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn U cũng thừa nhận biết phần trình bày này. Như vậy, ý kiến này thể hiện ông U đã thừa nhận bà D có đóng góp xây dựng căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, bản án số 111/2018/DSST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân

dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật (BL 32-33) cũng ghi nhận nội dung bà D có công sức đóng góp, sửa chữa trong quá trình sử dụng căn nhà này, điều này phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là “*những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật...*”. Xét bà D có công sức đóng góp xây dựng căn nhà trên, tuy nhiên các bên không xác định được bao nhiêu, nên Tòa cấp sơ thẩm xác định $\frac{1}{2}$ mỗi bên theo giá trị định giá được tại Biên bản định giá ngày 27/4/2018 là có cơ sở.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh D thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu bị đơn ông Lê Văn U trả số tiền 100.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà tại số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện, đồng thời có lợi cho phía bị đơn nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn ông Lê Văn U phải chịu án phí sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông Lê Văn U (sinh năm 1943) theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi 2009: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*” và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông U là đối tượng được miễn nộp án phí. Từ những phân tích trên cho thấy có căn cứ sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 335/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần án phí nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 293, Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn U trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội D: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn U, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 335/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thanh D yêu cầu ông Lê Văn U có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thanh D số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) (là giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà số 56 Tổ 10, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn U không phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.310.000 đồng cho bà Trần Thị Thanh D theo biên lai thu số AA/2018/0033369 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn U không phải chịu. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho ông Lê Văn U theo biên lai thu số AA/2018/0033472 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện Nhà Bè;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền

